

NHỮNG THÁCH THỨC

VỀ ĐỜI SỐNG CỦA DÂN THỦY CUR SÔNG LÔ

(Nghiên cứu ở khu vực Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang)

NGUYỄN THỊ TÁM

Giữa Thành phố Tuyên Quang, hàng trăm năm nay đã hình thành một khu vịnh chài sông Lô. Gọi là vịnh chài bởi từ rất lâu, dân tứ xứ di chuyển về cư ngụ thành làng ở những đoạn sông, rồi sống bằng nghề chài lưới và chở đò. Ngày nay, họ còn được gọi là “dân nhà bè”. Số cư dân nhà bè này hiện chỉ còn 58 hộ, song vẫn bảo lưu được những đặc điểm văn hóa vật chất và tinh thần. Là cộng đồng cư dân gắn bó với môi trường sông nước, các thế hệ tiếp nối nhau sống trên cùng một con thuyền hoặc bè đã hình thành những tập tục, kiêng kỵ, tín ngưỡng và những truyền thống văn hóa riêng. Sông Lô chảy qua Thành phố Tuyên Quang, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, trao đổi buôn bán diễn ra tập nập ở nơi đây, nhưng cũng phát sinh nhiều tệ nạn xã hội, nhất là từ chục năm trở lại đây. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một loạt vấn đề đang đặt ra, dẫn đến nhiều khả năng người dân chài nơi đây sẽ phải đối mặt với những thay đổi về môi trường sống, nghề nghiệp, việc làm và cả phong tục, tập quán, tín ngưỡng...

Lược sử các nghiên cứu về dân thủy cư và làng chài cho thấy, đã có một số khía cạnh kinh tế - xã hội được khai thác, từ đóng góp lý thuyết với công trình “*Mấy vấn đề về làng chài và nghiên cứu làng chài ở Nhật*

Bản từ góc nhìn văn hoá dân gian” của Chu Xuân Giao (2007) đến những chuyên khảo về ngư dân như “*Cộng đồng ngư dân ở Nam Bộ*” của Nguyễn Duy Thiệu (2002), “*Vài nét về sinh hoạt kinh tế của cư dân trên sông Hương (trước 1975)*” của Nguyễn Hữu Thông và Nguyễn Văn Tiến (2003)... Các nghiên cứu này đã bước đầu phác họa những lĩnh vực cụ thể trong đời sống ngư dân ở nước ta nói chung; tuy nhiên, vẫn chưa có nghiên cứu nào đề cập đến dân thủy cư ở sông Lô. Trong khi đó, có nhiều vấn đề đang đặt ra cho cộng đồng dân thủy cư nơi đây. Bài viết này phản ánh sự thích ứng của nhóm dân thủy cư ở sông Lô với môi trường sông nước và khả năng ứng phó của họ với những thách thức của đời sống xã hội hiện đại.

1. Tệ nạn xã hội ở khu nhà bè

Đằng sau sự thanh bình của làng chài ở sông Lô, vẫn còn tồn tại những mặt trái của xã hội. Đời sống ở khu nhà bè hiện nay khá phức tạp, những năm trước do nghèo khó, đã có hàng chục nhà bè hoạt động buôn bán ma túy, tổ chức đánh cờ bạc. Bên tả ngạn, có khuôn viên vườn hoa của Thành phố Tuyên Quang với mục đích kinh doanh, du lịch, song đây cũng là môi trường cho các tệ nạn cờ bạc, mại dâm hoạt động. Đặc biệt, ở ngay trên bờ sông là bến xe Tuyên Quang

và nhiều bến đò chở khách - nơi tập trung đông người với nhiều thành phần xã hội, tạo điều kiện phát sinh các hoạt động tụ tập trái phép. Vì vậy, người dân nhà bè cũng bị ảnh hưởng bởi những hoạt động này; nhiều gia đình rơi vào tình trạng cả nhà nghiện ma túy, phạm pháp. Khi đã cai nghiện được một thời gian, trở về nhà, họ vẫn tiếp tục tái nghiện. Khoảng hơn chục năm về trước, một bộ phận không nhỏ thanh niên làng chài nghiện ma túy. Nguyên nhân là do cuộc sống nghèo khó và túng quẫn trong khi không thể làm thêm nghề khác trên sông nước, nên họ phải ra thành thị làm thuê kiếm tiền, rồi du nhập những luồng văn hóa xấu, dần dần sa vào các tệ nạn xã hội và kéo theo nhiều dân chài khác ở nơi đây.

Cuộc sống nghèo khó cùng với các tệ nạn nghiện ngập là con đường ngắn nhất dẫn họ đến với tử thần. Kết quả nghiên cứu đã thống kê được 9 người chết vì nhiễm HIV ở khu nhà bè này trong mấy năm gần đây. Hầu hết số người bị chết vì nhiễm HIV đều do nghiện hút lâu năm hoặc quan hệ tình dục với gái mại dâm. Trong số 9 người, có tới 8 người trong độ tuổi 25 - 40, chỉ có 1 người 75 tuổi. Có gia đình cả hai bố con cùng chết trong một năm do nhiễm HIV. Hiện tại, trong làng chài này vẫn còn một số người đang trong tình trạng giai đoạn cuối của “căn bệnh thế kỷ”. Bên cạnh đó, những người ở đây cho biết thêm, trước đây cứ 1 năm lại xảy ra 4 - 5 vụ tranh chấp, đánh nhau vì cờ bạc ngay giữa xóm chài... Tất cả những điều đó đã nói lên mức độ nghiêm trọng của tệ nạn ma túy, cờ bạc vẫn đang tồn tại nơi đây, trở thành vấn đề nhức nhối trong xã hội dân thủy cư và chính quyền địa phương.

Theo Báo cáo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2005 và phương hướng năm 2006 của Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Tuyên Quang, trong công tác quản lý cai nghiện ma túy, thành phố đã tiến hành xét nghiệm đối tượng nghi nghiện với 794 lượt người. Trong số 87 đối tượng dương tính với xét nghiệm nghiện thì có 12 đối tượng là dân nhà bè. Riêng năm 2006, đã xét nghiệm các đối tượng nghi nghiện là 755 lượt người; trong đó, có 9/55 đối tượng dương tính với xét nghiệm nghiện là dân nhà bè (UBND Thị xã Tuyên Quang, 2006). Nếu so sánh số liệu năm 2005 và 2006, số đối tượng phát hiện bị nghiện ở làng chài sông Lô tuy giảm đi nhưng vẫn còn là vấn đề đáng lo ngại.

Có rất nhiều nguyên nhân đẩy những người dân chài sa vào các tệ nạn xã hội, song nguyên nhân chính là do sự buông lỏng quản lý của chính quyền địa phương. Mặt khác, do đặc điểm sinh sống tự do của cư dân nhà bè, cộng thêm sự nghèo khổ và điều kiện làm ăn bấp bênh nên bên trong cộng đồng cũng nảy sinh bạo lực, cờ bạc... Hơn nữa, những con thuyền di chuyển linh hoạt trên sông là phương tiện thuận lợi cho một số tội phạm hoặc gái mại dâm hoạt động. Khi các hoạt động này lan rộng, các cơ quan pháp luật mới ra tay nhưng cũng chỉ dừng lại ở từng chiến dịch và chưa thể triệt bỏ hoàn toàn. Mặc dù vậy, đã có một số kết quả đáng ghi nhận trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội ở khu vực này. Qua phỏng vấn vào ngày 26/3/2010, Tổ trưởng Tổ 7, phường Tân Quang, Thành phố Tuyên Quang cho biết: “mấy năm nay, chính quyền và lực lượng công an can thiệp mạnh kết hợp

với các đội giữ gìn an ninh trật tự xã hội tăng cường tuần tra giám sát nên các tệ nạn có giảm bớt”.

Qua thực tế gần đây, với phong trào nuôi cá lồng kết hợp các dịch vụ và hoạt động mưu sinh trên bờ đã làm cho kinh tế của đa số hộ dân chài sông Lô khá hơn trước. Việc hỗ trợ vay vốn của Nhà nước và chính quyền địa phương cho các hộ dân nghèo, nhất là phong trào tuyên truyền động viên người dân làm ăn, tham gia vào các hoạt động văn hóa tại địa phương cũng góp phần rất lớn trong công tác đẩy lùi các vấn nạn xã hội ở khu nhà bè.

2. Ô nhiễm môi trường và rủi ro trên sông nước

Tình trạng ô nhiễm nguồn nước sông Lô đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của cộng đồng cư dân vạn chài. Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng này là hiện tượng nuôi thủy sản tràn lan, không có quy hoạch. Trước đây, người dân thường chỉ nuôi cá theo thời vụ, ít sử dụng thức ăn và hóa chất độc hại. Gần đây, phần lớn các hộ dân đều nuôi cá theo mô hình công nghiệp, làm cho các loài sinh vật cư trú trong môi trường sông bị hủy diệt, dịch bệnh xuất hiện ngày càng nhiều... Mặt khác, ô nhiễm nguồn nước còn do người dân nhiều địa phương khai thác, sử dụng không hợp lý cát, sỏi ven bờ dẫn tới xói lở hai bờ sông ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là ở địa phận của hai phường Nông Tiến và Minh Xuân. Theo báo cáo của UBND Thành phố Tuyên Quang, sản lượng cát và sỏi khai thác trên sông Lô vào năm 2005 đạt 155.000m³, năm 2009 đạt 700.000m³ và năm 2010 đạt 765.000m³. Những con số này phản ánh thực

trạng khai thác ồ ạt sản lượng cát, sỏi của dòng sông, dẫn tới tình trạng lở đất hai bên bờ, gây nguy hiểm cho các phương tiện tàu bè đi lại trên sông và những hộ dân sống trên thuyền bè.

Do nhu cầu xây dựng ngày càng cao, giá nguyên vật liệu không ngừng tăng... nên hoạt động khai thác cát, sỏi trên sông Lô không chỉ dừng lại ở các hộ dân chài mà còn thu hút sự tham gia của nhiều người từ nơi khác đến. Điều đó kéo theo những tác động tiêu cực đến môi trường sống của cư dân vạn chài, do nước sông ô nhiễm, việc đánh bắt cá, tôm ngày càng trở nên khó khăn. Hoạt động xúc cát, đãi sỏi diễn ra liên tục đã ảnh hưởng đến dòng chảy, lũ lụt, nhất là thời điểm chưa xây dựng thủy điện ở Na Hang, hàng năm người dân Thành phố Tuyên Quang phải chịu cảnh lụt lội mỗi khi mưa bão đến. Việc sử dụng số lượng lớn tàu cuốc vào khai thác cát, sỏi của các đơn vị được giao đã ảnh hưởng đến nền địa chất hai bên bờ sông. Theo thống kê của UBND Thành phố Tuyên Quang năm 2010, chỉ riêng trên tuyến sông Lô tại địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã có 17 đơn vị được cấp phép hoạt động khai thác cát, sỏi. Tuy mỗi khi cấp phép, các ngành chức năng đều yêu cầu các chủ mỏ khai thác đúng khu vực được duyệt, không khai thác vượt quá độ sâu 4m, song có nơi, các doanh nghiệp sử dụng tàu cuốc vào khai thác nên đã đào sâu từ 6 đến 11m so với mặt đáy sông. Rõ ràng, việc khai thác cát, sỏi dưới lòng sông, dù có phép hay không, cũng đều ảnh hưởng đến dòng chảy, gây sạt lở bờ sông, sụt lún đê điều và hạ thấp mực nước trên sông, làm cho thuyền bè của những hộ dân chài phải di chuyển liên tục, tác động xấu đến sinh kế lâu dài của họ.

Không gian chật hẹp của một nhánh sông, là nơi neo đậu của hàng trăm con đò cũng là nơi ăn uống, sinh hoạt, tắm giặt của người dân làng chài. Cuộc sống tập trung đông đúc kèm theo rác, các chất thải sinh hoạt (từ nhà thuyền của các hộ dân và nhà hàng ven sông, nhất là ở hai phường Minh Xuân và Tân Quang) và y tế được đổ trực tiếp vào lòng sông nên dòng sông bị ô nhiễm nghiêm trọng. Đối với các hộ dân sinh sống trên thuyền và dùng nước trực tiếp từ nguồn nước sông, tuy nước đã được khử phèn, nhưng nguy cơ độc hại từ các loại chất thải khác nhau trong nước sông vẫn đe dọa trực tiếp sức khỏe người dân. Đây là vấn đề nan giải mà đến nay các cơ quan bảo vệ môi trường và các nhà quản lý vẫn chưa tìm được giải pháp khắc phục hữu hiệu.

Một vấn đề khác nổi cộm hiện nay cần được quan tâm tại làng chài sông Lô là những rủi ro sông nước. Cộng đồng dân thủy cư luôn phải đối mặt với các đe dọa rình rập họ như tai nạn sông nước, kể cả bão lũ và giao thông đường thủy. Hàng năm, ở đoạn sông này vẫn xảy ra các vụ đắm đò, chết đuối khiến cho dân nhà bè luôn thường trực nỗi lo và tâm lý hoang mang mỗi khi vận chuyển trên sông¹.

3. Dân trí thấp

Dân nhà bè trước đây thường sinh nhiều con dẫn đến tỷ lệ tăng dân số cao và đi kèm là gia tăng di dân tự do, tăng nhu cầu sử dụng các nguồn lợi thiên nhiên, hình thành thói quen tiêu thụ tài nguyên lãng phí. Kết quả là đã gây sức ép rất lớn đến môi trường sống, làm suy giảm tài nguyên thủy sản và

các nguồn khoáng sản trên sông. Một số hộ dân chài phải bỏ nghề đánh bắt cá để lên bờ sinh sống, song đại bộ phận vẫn nghèo khó, buộc phải quay lại sông nước và gia tăng khai thác các nguồn lợi tự nhiên để hy vọng tăng thêm thu nhập cho gia đình. Kết cục, họ vẫn rơi vào một vòng luẩn quẩn: nghèo khó - nhu cầu sinh kế - khai thác quá mức - cạn kiệt nguồn lợi - nghèo khó.

Theo kết quả khảo sát năm 2011, làng chài ở Thành phố Tuyên Quang có khoảng 20 cháu đang độ tuổi đến trường nhưng chỉ 80% trong số đó được đi học. Tổ trưởng Tổ 14, phường Minh Xuân cho biết thêm, đó là con số thống kê cho trẻ em làng chài, còn với những người dân vạn chài thì có đến 75% thất học. Các bậc làm cha mẹ, ông bà trong làng chài từ độ tuổi 50 - 65, nhiều người không biết chữ. Vì vậy, trước đây có một số giấy tờ như giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn, giấy vay nợ... người dân đều ký bằng “điểm chỉ”.

Ở làng chài này, mù chữ là một thực tế có tính “cha truyền con nối” của nhiều gia đình. Có gia đình, người anh cả phải ở nhà đánh cá để nhường cho em út đi học, nhưng do nhà nghèo nên học hết lớp 5, người em út cũng phải nghỉ học. Chỉ cách nhau một bờ sông và một ván cầu tre, bên trên là phố phường tấp nập, người xe qua lại với cuộc sống văn minh, còn bên dưới là làng chài nhỏ bé, tĩnh lặng và lạc hậu. Nhiều hộ ở làng chài chia sẻ và lý giải nguyên nhân khiến lũ trẻ không thể đến trường là do sự nghèo khó. Nghề cá được truyền lại cho thế hệ sau, nên đòi hỏi ngư dân phải làm quen và gắn bó với nghề từ lúc còn nhỏ, thậm chí từ khi 5 - 10 tuổi. Có như thế mới tạo ra một *trình yêu nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với nghề cá*.

¹ Tác giả đến khảo sát tại làng chài vào tháng 3/2011, trong những ngày tháng thực địa đã từng chứng kiến 2 vụ ngư dân nơi đây đi đánh cá bị tử vong do đắm đò.

Chính vì vậy, có thể nói, việc thất học ở trẻ em vạ chài là điều khó tránh khỏi. Quả thực, nguồn thu nhập của ngư dân làng chài chẳng có gì đáng kể, nghề cá bấp bênh, lúc được lúc không, khiến họ cứ quanh quẩn với cái nghèo. Bởi vậy, việc trẻ em đi học là một điều quá sức đối với họ. Nhưng bên cạnh lý do ấy, còn một nguyên nhân khác ngăn cản bước chân đến lớp học của các em nhỏ nơi đây. Một số gia đình cho biết, họ cho con cái đi học nhưng học xong cũng không biết sau này sẽ làm gì. Hơn nữa, so với chúng bạn cùng trang lứa trên bờ, bọn trẻ làng chài luôn có một tâm lý tự ti về hoàn cảnh thân phận của mình. Đến lớp học, không ít em bị những học sinh khác phân biệt đối xử, coi chúng là những đứa trẻ vô gia cư, khiến rất ít trẻ em ở làng chài được đến trường và kiên trì theo học.

Khi được hỏi về tình trạng trên, một cán bộ phường Minh Xuân, Thành phố Tuyên Quang cho biết: “Chúng tôi cũng đã nhiều lần đến tác động, tuyên truyền mong các gia đình cho con đến trường đi học, nhưng chỉ một vài hộ cho con tiếp tục đến lớp học. Được độ dăm bữa nửa tháng, chúng lại bỏ học, về nhà cùng cha mẹ đánh lưới, kéo chài và đi mò sỏi để bán lấy tiền sinh sống...”.

Khác với các cộng đồng dân định cư trên bờ, thành phần dân cư của làng chài rất khác nhau, họ vốn là những người nghèo, đến từ nhiều vùng khác nhau, chấp nhận xa quê để đến các dòng sông tìm kế sinh nhai. Họ tụ tập thành các “vạ chài”, đối mặt hàng ngày với sông nước, sống với sóng nước và cột chặt cuộc đời với con thuyền, xem sản vật bắt được là sự ban tặng của thủy thần. Khái niệm bảo vệ nguồn lợi và môi trường

sông nước dường như vẫn còn xa vời với họ. Tập quán sống của dân thủy cư nói chung và ngư dân nói riêng đến nay còn khá lạc hậu, học vấn thấp do không có điều kiện học tập. Cũng vì thế, nhận thức về môi trường và tài nguyên sông nước của đại bộ phận dân cư ở đây vẫn còn rất hạn chế. Họ chưa tạo cho mình thói quen, hành vi và ứng xử để bảo vệ môi trường và tài nguyên. Thực tế cho thấy nếu không thay đổi nhận thức và cải thiện sinh kế cho người dân, cũng như không coi trọng và thu hút sự tham gia của người dân vào quá trình quản lý, thì tài nguyên và môi trường sống tiếp tục bị khai thác đến cạn kiệt. Do vậy, quản lý môi trường không phải là quản lý tập trung vào “con cá, con tôm” mà là quản lý hành vi và điều chỉnh các hành động của chính con người.

Do trình độ dân trí của cư dân làng chài thấp hơn so với mặt bằng chung nên cũng hạn chế khả năng tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục, hạn chế hiểu biết pháp luật, nạn thất học, sinh đẻ không kế hoạch... Vì thế, khoảng cách giữa những hộ sống trên nhà thuyền và hộ dân trên bờ còn lớn, rất khó để thu hẹp lại khoảng cách này. Đây là khó khăn đáng lo ngại đối với cư dân làng chài và là vấn đề cấp bách đặt ra cho chính quyền địa phương.

4. Thiếu ổn định chỗ ở

Thủy sản trên sông ngày càng khan hiếm nên việc đánh bắt thủy sản cũng trở nên khó khăn hơn trước rất nhiều. Tình trạng ô nhiễm nguồn nước khiến cuộc sống của người dân làng chài sông Lô hàng ngày vẫn gắn liền với nỗi lo âu vất vả. Không chỉ riêng gì vạ chài ở nơi đây, mà biết bao dân làng chài khác đang “nuôi” trong mình “giấc mơ lên bờ” để có một chỗ an cư lạc nghiệp.

Đáng ra, dân chài sống dưới môi trường sông nước, lấy con thuyền, mái bèo làm ngôi nhà trú mưa trú nắng thì phải yêu quý và gắn bó với cuộc sống ấy nhiều hơn. Song, trong thực tế, người dân thủy cư đều có chung một ước muốn là được lên bờ. Ngay cả như trường hợp của Huế, ít ai có thể nghĩ rằng ở Huế - một thành phố du lịch nổi tiếng cả trong lẫn ngoài nước lại có rất nhiều vạn chài ở ngay trên những con sông, nhánh sông chạy trong lòng thành phố. Đến thời điểm hiện nay, riêng thành phố Huế đã có hơn 1.000 hộ dân vạn đò với khoảng 7.000 nhân khẩu đang sinh sống trên sông Hương. Cuộc sống mưu sinh vất vả, lênh đênh theo kiếp vạn thuyền khiến họ luôn khao khát được lên bờ sinh sống.

Thực tế, tại nhiều nơi, dân chài được giúp đỡ di chuyển lên bờ sinh sống. Có đất dựng nhà nhưng không có tiền, ăn hết gạo được hỗ trợ, họ lại trở về “nhà thuyền”. Cũng có hộ kiếm được việc làm như khâu vá, có tiền mua xích lô chở thuê... Song, số hộ như vậy không nhiều. Hơn nữa, chính quyền các phường đều cho biết đất tái định cư rất thiếu trong khi dân vạn đò luôn tăng, nhất là sau khi lên bờ định cư, cuộc sống của họ vẫn bấp bênh ở làng chài. Chưa kể đến “con lũ thất nghiệp” trên bờ ào đến còn nguy cấp mấy lần “con lũ trên sông”. Tuy nhiên, được lên bờ vẫn là khát vọng của người dân làng chài; nhiều gia đình đã dốc hết vốn liếng và vay mượn để mua những căn nhà nằm trong diện chạy lở, chấp nhận nguy cơ mất trắng bất cứ lúc nào. Hơn 50 hộ dân của khu nhà bè sông Lô ở Thành phố Tuyên Quang bao thế hệ nay đều có chung một giấc mơ là có đất có nhà, con cháu được học hành tử tế, không còn những

tệ nạn xã hội, không phải trôi nổi cùng những chiếc thuyền chông chênh, nom nớp nổi lo khi mùa lũ tràn về và đến khi chết đi, sẽ có mảnh đất làm nơi chôn cất.

Phiếu trưng cầu ý kiến hộ dân chài sông Lô tại Thành phố Tuyên Quang về việc liệu họ “có nguyện vọng lên đất sinh sống không?” cho kết quả sau: 54/58 (93,1%) hộ dân chài trả lời là “Có”; 4 hộ còn lại trả lời “Không” vì họ đang kinh doanh cửa hàng ăn uống trên nhà bè. Khi được hỏi “Ông/bà muốn định cư ở đâu?”, có 39/54 (72,2%) hộ dân chài trả lời là ở khu đất gần nhà thờ (vì họ đã được nghe thông báo của các cơ quan chính quyền về dự án này); 15/54 (27,8%) hộ dân chài trả lời chung chung là “Tùy theo sự sắp xếp của Nhà nước” hoặc “Chính quyền cho đất ở nơi nào thì sống ở nơi ấy”. Điều này chứng tỏ tâm lý e ngại trong dân chài, hoặc chỉ cần được định cư trên bờ, còn ở đâu cũng được.

Kết quả phỏng vấn sâu một số dân chài cho thấy những lý do và khó khăn của các hộ dân thủy cư không có điều kiện chuyển lên bờ. Theo đó, nguyên nhân chủ yếu là do khó khăn tài chính; đa số họ không có đủ tiền để chuyển đổi đồng bộ lên cạn (bao gồm môi trường sinh sống và việc làm). Mặt khác, môi trường sống (không gian thoáng mát) và thói quen sống trên sông nước (tĩnh lặng, yên bình) đã ràng buộc họ. Vì vậy, họ e ngại sẽ không thích nghi được với cuộc sống âm ỉ, ngột ngạt, bụi bặm ở trên bờ.

Nhìn chung, đa số hộ gia đình bày tỏ nguyện vọng muốn được Nhà nước cấp đất để làm nhà ở, xây dựng cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội. Tuy nhiên, khi nói mong muốn định cư trên bờ, do sợ điều kiện không thuận

lợi, người ta vẫn ngại con cái không có ai trông khi phải đi làm, lối sống phóng khoáng bị ràng buộc... rồi lo xa hơn như khi lập gia đình, tách hộ thì không có nhà, có đất. Những nguyện vọng và yêu cầu này của cộng đồng ngư dân vạn chài sông Lô đã đặt ra cho các cấp chính quyền và các cơ quan chức năng nhiều vấn đề cần lưu ý khi lập các dự án định cư.

Khi lên bờ định cư, họ có đất canh tác, trên mảnh đất ấy họ sẽ yên tâm hơn để làm ăn, sinh sống. Lên bờ làm nhà, nhưng không ai bắt họ từ bỏ nghề cá, nên họ có thể kết hợp đánh bắt cá hay nuôi cá lồng dưới sông vừa tăng thu nhập, vừa lưu giữ được những giá trị truyền thống của vạn chài. Từ chỗ có nhà cửa ổn định, có đất đai canh tác, dần dần họ sẽ cải thiện đời sống kinh tế, văn hóa, giáo dục, đảm bảo tương lai cho các thế hệ trẻ. Con cái họ sẽ không bị phân biệt đối xử, được học hành tử tế như bao đứa trẻ khác. Đồng thời, khi lên bờ sống, người dân chài sẽ tránh được các thủ tục hành chính phiền hà, giảm bớt những định kiến của cư dân trên bờ về dân vạn chài. Thế nhưng, đó vẫn chỉ là nguyện vọng của các thế hệ cư dân làng chài bởi những người làm nghề chài lưới nơi đây hầu hết là dân nghèo nên không thể mua đất ở, xây dựng nhà cửa và khắc phục các điều kiện khác để sinh sống trên bờ. Vì thế, ngày ngày người dân vẫn chỉ biết trông chờ vào sự quan tâm của chính quyền và các chính sách của Nhà nước để tìm ra những biện pháp thiết thực giúp cải thiện đời sống cho họ.

5. Hướng phát triển cho làng chài

Để đảm bảo đời sống cho làng chài, Thành phố Tuyên Quang đã phê duyệt dự

án lấy khu đất gần nhà thờ để cấp cho người dân. Tuy nhiên, khu đất này lại nằm trong dự án quy hoạch xây khuôn viên vườn hoa và du lịch sinh thái nên khoảng 3 năm qua, dự án cấp đất cho dân chài vẫn chưa được triển khai.

Việc xây dựng quy hoạch các khu định cư cho các hộ dân chài có làm nghề sông nước hay làm nghề trên bờ là cần thiết. Tuy nhiên, cần nghiên cứu kỹ các đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hoá và tập quán truyền thống của dân chài, tạo cho họ sự ổn định về đời sống tinh thần và vật chất, yên tâm tiếp tục lao động nghề nghiệp. Cần đặc biệt chú ý đến phúc lợi cho người già yếu, bệnh tật, học hành của trẻ em. Các hộ nghèo cần được vay vốn ưu đãi hoặc đào tạo nghề nghiệp để có triển vọng làm ăn lâu dài. Tạo được các quan hệ tốt giữa cộng đồng cư dân làng chài với cộng đồng cư dân đã từ lâu sống trên bờ, để họ không bị mặc cảm, phân biệt đối xử, nhanh chóng hòa nhập cộng đồng.

Để thực hiện các mục tiêu trên, cần có các biện pháp cụ thể như sau:

- Mở rộng ngành nghề, chuyển sang đầu tư nuôi cá lồng với sự giúp đỡ của cán bộ chuyên môn về chăn nuôi thủy sản để giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập, đáp ứng sinh kế cho ngư dân; đồng thời, giảm áp lực lên tài nguyên thủy sản tự nhiên.

- Phải kịp thời khai thác, giữ gìn, tôn trọng và phát huy các giá trị của tri thức dân gian của ngư dân. Đó không chỉ là kinh nghiệm nghề nghiệp, các loại hình ngư cụ mà còn là kiểu tổ chức xã hội và những hiểu biết về môi trường, cách ứng phó của họ trong điều kiện nhất định để đảm bảo nguồn sống và vì sự mưu sinh lâu dài.

- Chú trọng xây dựng đề án chuyên vùng sông nước làng chài thành khu du lịch sinh thái giữa lòng thành phố và coi đó là chiến lược phát triển song hành cùng với kế hoạch nâng cấp, phát triển Thành phố Tuyên Quang.

- Cần có sự can thiệp mạnh mẽ, dứt khoát triệt để hơn nữa của chính quyền và lực lượng công an, các ngành các cấp để cùng đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội; bảo vệ an toàn và sự bình yên của khu nhà bè nói riêng và toàn Thành phố Tuyên Quang nói chung.

- Trong việc xây dựng và thực hiện các dự án về đồng quản lý nghề cá, cần có sự tham gia của các nhà khoa học xã hội chứ không chỉ những người làm kỹ thuật, chuyên môn có liên quan đến thủy sản bởi đây là một tiếp cận đòi hỏi sự tham gia của nhiều ngành.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Tuyên Quang (2009), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Tuyên Quang (1940-2008)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Diệp Trung Bình (1985), “Vài nét về đời sống của ngư dân vùng biển Đông Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 15-20.
3. Vũ Quang Đán, *Tạm dừng cấp phép khai thác các mỏ cát ở sông Lô, sông Gâm*, trên trang *www.CafeF online* (Truy cập ngày 22/04/2011).
4. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (2006), *Văn hoá sông nước miền Trung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Đỗ Minh Khuê (1999), “Tìm hiểu cộng đồng dân cư vạ đò Huế và sự ô nhiễm môi trường sông Hương”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 1, tr. 59-65.
6. Việt Phan (2009), *Giấc mơ lên bờ của cư dân Vạ Đò*, trên trang *Vietbao.vn* (Truy cập ngày 20/11/ 2011).
7. Nguyễn Duy Thiệu (2005), “Tìm hiểu các cộng đồng ngư dân thủy cư ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 13 - 23.
8. UBND Thị xã Tuyên Quang, *Báo cáo Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2006*, ngày 31/12/2006.